

Bài 92. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Mây Mưa | Sư Giác Nguyên giảng 18/07/2018

Hôm qua, bài kinh cuối cùng chúng ta học nói về bốn hạng sa-môn.

Bất động sa-môn là chỉ cho Sơ quả.

Bạch liên sa-môn, giống như sen trắng, tượng trưng cho Nhị quả.

Sa-môn sen hồng là A-na-hàm.

Sa-môn của sa-môn là A-la-hán.

Và một loạt kinh sau đó có nội dung y chang như vậy, cho nên mình thông qua.

Tiếp theo là mình học Phẩm Asura, A-tu-la.

Kinh này nội dung mình đã học mấy hôm trước rồi. Có trường hợp:

A-tu-la sống với A-tu-la.

A-tu-la sống với chư thiên.

Chư thiên sống với chư thiên.

Chư thiên sống với A-tu-la.

Chúng ta phải biết A-tu-la ở đây là gì. A-tu-la có hai hạng:

1. A-tu-la thiên thuộc hội chúng Đao Lợi.
2. A-tu-la đọa, tức là A-tu-la trong bốn đường ác.

Kinh này nói về A-tu-la thiên.

Trường hợp một: người tu thập thiện bậc thấp, hoặc người có hạnh nguyện đặc biệt, thì khi có tu thập thiện, chết rồi sanh lại cõi người hoặc Tứ Thiên Vương. Tu thập

thiện bậc thấp có nghĩa là cũng bố thí lai rai, không đáng; cũng có theo người ta giữ ngũ giới mà lúc giữ được, lúc không. Bát quan thì cũng lúc có, lúc không; mà thọ rồi, lúc giữ được, lúc không. Phục vụ và nghe pháp, nói chung thập thiện có tu, mà tu lai rai, tu không ra gì, thì hạng này chết rồi sanh lại cõi người hoặc Tứ Thiên Vương thôi.

Trường hợp hai: họ có đặc biệt. Thí dụ như Bồ-tát nhiều lúc nguyện sanh lại thân người để tu hành. Có nghĩa là Ngài cái gì cũng tu hơn người ta hết, nhưng vì cái hạnh nguyện nên Ngài quay trở lại, nói theo từ bên Bắc Tông là hội nhập Ta-bà, để tiếp tục tu hành, chứ mà về mấy cõi trời là không có tu hành gì, vì khó khăn lắm.

Có hai trường hợp như vậy: do hạnh nguyện đặc biệt, hoặc tu tập không ra gì, chết rồi sanh về cõi người hoặc cõi Tứ Thiên Vương. Còn hạng không tu gì hết thì đi thẳng xuống bốn đường đạo, cái này thì mình miễn bàn.

Trong tầng Tứ Thiên Vương có đủ mười hai hạng người, nói theo A-tỳ-đàm, có nghĩa là người tam nhân, nhị nhân, vô nhân và bốn tầng Thánh đều có mặt ở cõi Tứ Thiên Vương. Cho nên cõi Tứ Thiên Vương cũng có loài bàng sanh là rồng, đại bàng kim sí điểu, nó cũng thuộc về cảnh giới Tứ Thiên Vương, nhưng mà nó không đặc đạo, đặc thiền gì hết trơn.

Người tu thập thiện khá hơn một tí, đặc biệt là bát quan trai, thì chết rồi sanh về Đạo Lợi. Thiên chúng Đạo Lợi, cao hơn Tứ Thiên Vương, lại chia ra thành hai nhóm.

Nhóm thứ nhất: lên đó rồi lại sống trụy lạc, thích ăn chơi, gái gú, tình cảm, đặc biệt là uống rượu, ca hát rất nhiều.

Nhóm thứ hai: có đạo hạnh nghiêm túc, mỗi tháng nghe pháp hai lần, mỗi tháng của cõi Đạo Lợi chứ không phải mỗi tháng của mình, và sẵn lòng nghe vị khác nhắc nhở. Có nghĩa là nghe Phạm thiên nhắc nhở, nghe Đế Thích nhắc nhở, nghe một thiên tử nào đó nhắc nhở, và họ sẵn lòng họ nghe để họ sửa.

Đế Thích không hoan hỷ chấp nhận cái đám chư thiên trụ lạc nên đã dàn xếp cho họ rời khỏi đỉnh núi Tu-di, tức cõi Đạo Lợi, mà đưa họ về đáy núi Tu-di. Theo trong kinh nói, đáy núi này mắt thường mình không thấy, vì cao tới tám mươi bốn ngàn do-tuần lận. Trên đỉnh núi Tu-di là Đạo Lợi, mà lưng chừng của núi là cõi Tứ Thiên Vương, và cái đáy chính là cõi A-tu-la thiên. Mỗi thiên vương cai quản một loài và trấn cứ một cạnh, giả định ngọn núi có bốn cạnh, thì mỗi vị thiên vương cai quản núi Tu-di theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Bốn chủng loại đó là đại bàng, long vương, càn-thát-bà và dạ-xoa.

Bên ngoài núi Tu-di có nhiều dãy núi bao bọc, tất cả đều nằm trên biển, mắt người không thấy được. Bên ngoài biển ấy là bốn hành tinh có người ở. Hành tinh phía Nam chính là hành tinh của chúng ta, gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, tuổi thọ tối thiểu là mười, tối đa là a-tăng-kỳ năm. Hành tinh phía Bắc là Bắc Câu Lưu Châu, tuổi thọ tối thiểu một ngàn năm, tối đa là a-tăng-kỳ năm. Phía Tây là hành tinh Tây Ngưu Hóa Châu, tuổi thọ tối thiểu là năm trăm năm, tối đa là a-tăng-kỳ năm. Phía Đông là Đông Thắng Thân Châu, tuổi thọ tối thiểu là bảy trăm năm, tối đa là a-tăng-kỳ năm.

Cái đám A-tu-la là nó thuộc về hội chúng chư thiên. Nó cũng có người nhị nhân, tam nhân, vô nhân y chang cõi Đạo Lợi. Có điều vì nó dễ duôi quá, nên nó ăn rồi nhậu nhẹt, nam nữ, đàn ca hát xướng. Nên Đế Thích thấy mới xét: giờ không thể ở chung với tụi này được nữa, vì bày hầy quá. Đế Thích mới chuyển bọn họ xuống đáy núi Tu-di, ở dưới có một cõi riêng ở dưới.

Kinh này dùng hình ảnh A-tu-la và chư thiên để ám chỉ các hạng người trên đời, các trường hợp cộng sinh trên thế gian.

Chính ở đây Đức Phật Ngài có giải thích.

1. A-tu-la sống với A-tu-la: người xấu sống với người xấu.
2. A-tu-la sống với chư thiên: có người họ rất là tệ, tu hành không ra gì, nhưng lại sống chung với người rất là đạo hạnh ngon lành.

3. Chư thiên sống với A-tu-la: có những người sống rất ngon lành, tu hành nghiêm túc, trong sạch, thanh tịnh, nhưng chẳng may họ phải sống chung, phải cộng trú với những người trong gia đình như là cha mẹ, con cái, chồng vợ, bạn bè, chòm xóm... là những người không tu hành.

4. Chư thiên sống với chư thiên: người tốt sống với người tốt, người tu sống với người tu.

Ở đây là nghĩa ẩn dụ, ám chỉ thôi. Từ đó mình đọc, mình mới hiểu ra thân phận cuộc đời mình nó ra làm sao. Mình là một người con sống với cha mẹ như thế nào. Mình là bậc cha mẹ mà mình sống chung với con cái là loại người như thế nào. Mình là vợ như thế nào và chồng mình là như thế nào. Mình là chồng như thế nào và con vợ mình nó ra thế nào. Mình cứ nhìn vào đó mình biết: à, thì ra như vậy là mình đang sống trong cái hạng nào, trong cái trường hợp nào trong bốn trường hợp đây.

Nếu mình là người tốt mà ở gần người xấu thì có hai việc phải làm:

1. Cảm hóa họ cho tốt như mình.
2. Nếu bất lực thì phải giữ mình đừng như họ.

Nếu mình là người xấu mà ở gần người tốt thì cũng có hai việc nên làm:

1. Bắt chước giống người ta để mình tốt như người ta.
2. Nếu không được vậy cũng đừng chống phá, bài xích.

Có những anh Phật tử kể thiệt với tui, nói chuyện mà ảnh lè nhè rằng:

“Bà xã của tui thì tinh tấn. Còn tui là không sát sanh, không nói láo, không tà dâm, tui không có gì hết trơn, chỉ có uống rượu thôi. Tôi mà bỏ rượu là tôi buồn dữ lắm, mà tui buồn là còn tùm lum chuyện nữa, cho nên thôi, giờ có năm giới thì tui chỉ giữ có bốn giới thôi. Nhưng có một điều là tôi không có chống bả. Bữa nào bả thấy tui xin, bả la, mà tui im re à, chớ có nói một chữ.”

Biết lỗi, nên có bữa hơi rượu quá thì ôm cái gối ra ngoài sa-lon nằm, vợ đuổi chứ không có dám cãi nửa lời. Hôm nào tỉnh mà bỏ đi chùa, đi miếu, tôi giúp được gì cũng giúp cho bà, khiêng vác đồ đạc. Còn hôm nào xỉn thì lủi vào góc cây, bụi chuối nào ngủ, chứ chớ hề mà động phạm gì bà hết trơn.

Cho nên có hai trường hợp: nếu mà mình xấu mà sống gần người tốt thì một là bắt chước người ta, hai là cũng đừng chống phá, bài xích người ta. Chứ nếu mà mình cứ khư khư một nguyên tắc: “Tôi phải sống gần người tốt bằng tui hoặc hơn tui.” Nói thiệt, câu đó nghe thì thấy hay, nhưng câu đó rất là vô lý. Bởi vì trên đời này ai cũng nghĩ như vậy thì làm sao mà có sự kết hợp nào giữa người tốt với người xấu. Trong khi chúng ta phải dựa lưng nhau mà sống. Lỡ người xấu đó là vợ mình, chồng mình, cha mẹ mình, là thân quyến, là con cái, là ông bà mình thì mình tính làm sao?

Cho nên Phật Pháp không có tuyệt lộ cho bất cứ ai hết, cỡ nào cũng mở rộng vòng tay hết. Nếu mà con tệ quá mà con sống gần với thằng xấu thì nhớ đừng có xấu hơn. Mà nếu con xấu mà sống gần với người tốt thì con nhớ bắt chước nó. Nếu con là người tốt mà sống gần người xấu thì một là con cảm hóa nó, còn nếu mà con cảm hóa nó không được thì con nhớ đừng bắt chước giống nó.

Có nghĩa là mình đọc cái này mình thương Phật lắm quý vị à. Bài kinh này không phải Ngài kể bốn hạng người này cho vui, mà mình đọc mà mình nghe văng vẳng bên tai lời dặn dò của Ngài. Thương lắm. Nếu mà chẳng may mà con tệ quá, mà con sống gần người tốt thì con phải làm sao? Nhớ nha. Nếu mà con tốt mà con sống gần đứa tệ quá thì con cũng phải làm sao. Phật dặn như vậy.

Tiếp theo là kinh Định, Paṭhamasamādhisuttaṃ.

Trong chú giải có ghi thế này:

“Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nội tâm chỉ, nhưng không được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được tăng thượng tuệ

pháp quán, nhưng không được nội tâm chỉ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không được nội tâm chỉ, cũng không được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nội tâm chỉ và cũng được tăng thượng tuệ pháp quán.”

Nội tâm chỉ ở đây là appanāsamādhī, tức từ sơ thiền trở lên. Còn tăng thượng tuệ pháp quán ở đây là chỉ cho Vipassanā, tức việc tu tập Tứ niệm xứ quán chiếu danh sắc. Ở trong đây có giải thích cetosamathassāti có nghĩa nội tâm chỉ tịnh ở đây ám chỉ cho appanācittasamādhissa, từ sơ thiền trở lên. Còn adhipaññādharmavipassanāyāti chỉ cho cái trí tuệ quán saṅkhārapariggāhakavipassanāññāssa, có nghĩa là ghi nhận pháp hữu vi, nghĩa là danh và sắc. Đây là cái thuật ngữ saṅkhārapariggāhaka, có nghĩa là quán chiếu danh sắc hoặc là ghi nhận pháp hữu vi.

Nhớ nha, chứ đừng có mà thấy Pāli lạ lạ mà: “Cha này dịch kiểu gì lạ lạ vậy?” Có nghĩa saṅkhārapariggāhaka là pháp hữu vi, ghi nhận danh sắc. Không có hữu vi nào ngoài danh sắc, mà cũng không có danh sắc nào nằm ngoài hữu vi.

Có bốn hạng hành giả:

1. Samatha trước, Vipassanā sau: tức là tu tập trung tư tưởng trước, tu định trước và tu tuệ sau.
2. Vipassanā trước, Samatha sau: tu tuệ trước rồi tu định sau. Định ở đây là tập trung tư tưởng thôi. Còn tuệ là dùng trí để quán chiếu: đây là danh nè, còn đây là sắc nè.
3. Chỉ Quán song tu: tu bằng niệm với tuệ cùng một lúc. Có nghĩa là tu bằng Thiền quán là phải dùng niệm và tuệ. Niệm là biết mình đang ra sao, cái gì đang xảy ra; cái đó là gì. Niệm là biết How, còn tuệ là biết What. Hai cái How và What này cộng lại thành Vipassanā.
4. Chỉ tu riêng Vipassanā.

Cả bốn hạng đều có thể chứng thánh, đồng thời không vị thánh nào nằm ngoài bốn trường hợp này.

Mình học cái Định này là mình phải dùng bốn hạng hành giả này nhét vô là tự nhiên nó hiểu, nó sáng bừng lên. Các vị có hiểu không ta? Cái này đã giảng rồi. Mà ở đây đâu chỉ có nói về bốn cái này không đâu quý vị. Bài kinh này mở ra cho mình một chuyện nữa, đó là: tùy thuộc khuynh hướng tâm lý mà mỗi người cầu đạo giải thoát có kiểu tu ba-la-mật khác nhau. Tùy thuộc kiểu tu ba-la-mật mà khi tu hành và chứng đạo, ta thuộc về trường hợp nào trong bốn trường hợp vừa kể.

Chứ không phải trong kinh đọc lướt qua, trong kinh nêu bốn hạng rồi mình ngừng lại đó thì không phải. Nó còn một chuyện nữa là tại sao có bốn hạng này. Là bởi vì cái khuynh hướng tâm lý.

Có người họ thấy đời khổ quá, họ muốn rút ráo đi ngã tắt, đi khỏi mất công, đi cái rọc. Cứ quán đời là khổ, quán thân, thọ, tâm, pháp. Thấy danh là khổ, thấy sắc là khổ. Chỉ bao nhiêu đó thôi, họ không màng cái gì nữa hết.

Nhưng mà không có đơn giản như vậy. Mà họ chủ trương phải có định trước, tâm mới tập trung, rồi tuệ trên cái nền đó mới làm việc. Có người phải như vậy.

Theo kinh thì các bậc thượng nhân lợi căn như Đức Phật, Ngài Ca Diếp, Ngài A Nan, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... đều Chỉ Quán song tu. Có hai lý do là:

1. Việc tu tập Samatha với họ, đặc thiền, tu thiền chỉ là như trở bàn tay. Giống như ăn cơm mà thêm đĩa rau sống vậy đó. Kiếm rau sống đối với họ rất là dễ, còn việc kiếm chao, tương, bào ngư, yến sào thì mới là khó. Một bữa cơm bình thường muốn kiếm đĩa rau thì cứ ra ngoài hè, ngoài ruộng, nhắm mắt mà lật, trong vòng năm phút vô là có một rổ rồi.

2. Đồng thời người lợi căn thì tự nhiên không bị ám ảnh nặng nề bởi năm triền cái. Bản chất bẩm sinh của vị này vốn đã ly dục, vô sân, bất hại và luôn sống trong Chánh tư duy. Cho nên chuyện mà người ta tu thiền chỉ nó dễ ẹc à. Mà trong khi chính họ lại hiểu thêm: có chỉ trước, quán sau thì nó lạ hơn, sung sướng và thoải mái hơn. Thì tại sao mình không chọn con đường sung sướng, thoải mái, ngon lành hơn để mình đi?

Nói gì thì nói, các vị có nhị, sơ, tam, tứ thiền trong túi rồi thì các vị tu Vipassanā nó sướng còn hơn là mình đi trượt tuyết nữa. Nó êm ru à. Tại vì chuyện người ta vô, xếp cái chân vào một cái là tâm họ không phóng rồi. Thứ hai, cỡ sơ thiền trở lên mà nói với họ cái chuyện đau đớn là không có. Ba cái chuyện ruồi, muỗi, nóng quá, lạnh quá, ngồi tê mồm, nhức buốt, đau lưng, đối với dân sơ thiền trở lên thì không nghĩa lý gì hết.

Cho nên đối với bậc thượng nhân lợi căn, thứ nhất, đối với họ việc tu Samatha, tu định, tu tập trung tư tưởng làm nền, nó dễ ẹc à. Thứ hai là do cái bản chất bẩm sinh của họ vốn dĩ ly.

Dục, vô sân và bất hại: không có đam mê cái gì đến mức chết bỏ. Từ chuyện không đam mê chết bỏ, nó mới dẫn đến chuyện họ không có bất mãn chết bỏ một vật gì.

Còn cái người tào lao của mình: một là mê đắm, mê đuổi, tới hồi nó thù, nó oán, bất mãn, sợ hãi, ghen tỵ, thì chỉ có trời xuống mà cứu nó thôi. Tôi phải nói tất tần tật, tút tụt cho các vị nghe. Sợ nhất là thích tầm lum thì bất mãn tầm lum. Có nghĩa là thương cho lắm mà hận cho nhiều, cái hạng thích tầm lum, ghét tầm lum, nắng không ưa, mưa không chịu, gió kỵ, mù sương.

Tu mà nóng quá, lạnh quá, chỗ ở chật quá, hôi quá, ồn quá, thiếu ánh sáng quá... tất cả đều làm khó vị này hết. Là vì sao? Là vì vị này chưa vượt qua được cái dục triền cái, tức là còn thích tiện nghi, thích sung sướng. Khi ta thích mà không được thì nó chuyển hệ qua sân tư duy, là bất mãn tầm lum. Mà hễ có sân tư duy là nó bèn có hại tư duy, có nghĩa là thích đối đời, đập phá, than phiền, càu nhàu, cảm ràm... tất thảy đều thuộc về hại tư duy.

Do có dục tư duy nên mới có sân tư duy, và từ đó là hại tư duy. Hồi đó mình đâu có ngờ thích là gốc của khổ. Nhiều người không biết đạo, họ nghe cái này họ không có chịu. “Trời ơi, nó đã quá mà, thích là sướng mà, được cái thích là sướng, tại sao cái thích là khổ là vì sao? Mình ghét mới là khổ chứ. Thí dụ như tôi sợ ma, tôi sợ đói, sợ

lạnh, sợ ngứa, sợ nhức mỗi tê buốt... Cái sợ nó tạo ra khổ, chứ tại sao cái tham nó là gốc của khổ là sao?”

Bởi vì chính vì anh thích nên nó mới tạo ra cái ghét. Thích ở đâu thì ghét nó ở đó. Thí dụ như tôi thích mát thì tự nhiên tôi ghét nực. Cái thằng thích nó là mẹ, còn thằng ghét nó mới là cha thôi. Mẹ mà đẻ ra thằng khổ chính là thằng thích, chứ không phải thằng ghét. Bởi vì một người không còn thích nữa, tự nhiên cái ghét nó biến mất.

Nên A-na-hàm không còn dục ái, không mê đắm năm dục, nên cũng không còn tí bất mãn nào trong ngoại trần nữa. Khi A-na-hàm diệt được dục ái, tức niềm đam mê trong năm trần, thì họ không còn bất mãn nữa. Vì không còn thích nên không còn bất mãn nữa. Còn thích nhiều là còn bất mãn nhiều, mà còn bất mãn nhiều là còn khổ nhiều. Thích ít thì bất mãn ít, mà bất mãn ít thì đương nhiên khổ ít.

Còn cái chuyện đắc cái gì chưa biết, nhưng trước mắt hai cái tên phàm phu mà tên nào còn quá nhiều đam mê thì tôi xin hứa chắc chắn tên đó có rất nhiều bất mãn. Mà cái tên nào còn bất mãn nhiều, là sợ cái này, ghét cái kia, kỵ cái nọ, thì tôi dứt khoát tên này khổ 25/24 chứ không phải là 24/24. Có nghĩa là suốt ngày tên này cứ cảm râm, than phiền, bất mãn, chống đối...

Một loạt kinh sau cũng có nội dung như kinh này.

Kinh Que Lửa 1

Có bốn hạng người:

1. Chỉ biết đến tư lợi, không màng lợi tha. Nevattahitāya paṭipanno no parahitāya.
2. Lợi tha mà quên tư lợi. Parahitāya, lợi tha, paṭipanno no attahitāya, tự lợi.
3. Lãng quên cả hai. Attahitāya paṭipanno no parahitāya.
4. Lưu tâm cả hai. Attahitāya ceva.

Ngài nói người sống không quan tâm đến tự lợi và lợi tha thì giống như một que gỗ, cả hai đầu đều dính phân người, không dùng được phần nào. Bởi vì nếu que gỗ đầu dính, đầu không, thì mình cũng có thể dùng cái đầu không dính để mình làm chuyện gì đó. Vẫn được chứ. Mình khều, mình dít, mình móc đại cái gì đó. Tuy nó dơ thiệt, nhưng cũng vẫn còn đầu sạch mình dùng được. Còn que gỗ mà dính phân cả hai đầu thì mình dùng chỗ nào?

Ở đây cũng vậy, có nhiều người ăn rồi cứ lo chuyện người ta không à. Chuyện trong nhà vác ngà voi, nhưng tên này ít ra còn có chỗ xài được. Hoặc cái tên mà ăn rồi cứ lo tu tập cho riêng mình, không màng gì cho thế gian hết, thì tên này dĩ nhiên cũng dễ thương rồi đó. Mặc dù thấy có vẻ ảnh hơi đóng khung, hơi ích kỷ, nhưng ít ra cũng còn có chỗ xài được. Còn cái người không màng gì đến thiên hạ và cũng quên mất lợi ích bản thân, chỉ biết chạy theo thị dục, thị hiếu, thì cái loại này không xài được.

Bài kinh này thì đơn giản thôi, nhưng dĩ nhiên kinh nào cũng có kiểu sâu riêng. Kinh này đề nghị mình nhìn lại mình xem bản thân thuộc loại người nào, và mình giống que gỗ kiểu nào, có chỗ nào mà dùng được hay không.

Tôi nhớ có vài người quen của tôi, họ than phiền và tâm sự với tôi như thế này. Họ nói: “Không biết con bị nghiệp gì mà năm nay bạc tóc rồi, mà cứ đi đâu cũng bị người ta lợi dụng hết. Thí dụ như hồi nhỏ học trong trường tiểu học thì bị nhỏ kế bên mượn cục tẩy, mượn viết chì quên trả, rồi có đứa mượn tập, mượn vở, rồi còn coi ké bài, copy. Sau đó nó phản phúc, chơi xấu mình tùm lum. Lên đến trung học cũng tiếp tục bị như vậy, cũng mượn áo dài, mượn cặp, áo quần... rồi cuối cùng cũng phụ bạc, phản bội mình. Tới khi lấy chồng, gặp bạn bè bên nhà chồng đối xử cũng tệ bạc, không biết có lợi dụng không. Bây giờ vô chùa cũng vậy nữa. Mình tưởng rằng cửa Phật từ bi, ai ngờ vô nó sai được nó sai, xài được nó xài.”

Lúc đó tôi mới nói: “Tôi không an ủi cô đâu, mà đây là sự thật. Cô còn bị lợi dụng nghĩa là cô còn có giá trị. Tôi sợ nhất trên đời này có hạng người mà người ta không biết xài mình cho chỗ nào hết.” Câu chuyện này tôi đã kể rất nhiều lần.

Nói như vậy không phải tôi nói quý vị sống ngu để cho chúng nó leo lên đầu mình nó ngồi. Không có phải. Nhưng ít ra quý vị cũng phải nhớ lấy cái điều này: ta sống ở đời, ta cũng phải có một giá trị tối thiểu nào đó để cho thiên hạ có chỗ dừng. Mình tùy phước duyên mà nay ta có thể đóng góp được gì cho đời. Cũng do phước duyên mà sự đóng góp ấy được ghi nhận thế nào.

Do phước duyên mà có trường hợp một người tốt ời là tốt mà cả đời bị trù dập le lưỡi, banh xác. Còn có thằng kia nó làm chuyện gì hay hay là cả làng quỳ xuống tung hô, cả một vũ trụ đài báo, truyền thông đăng báo, phỏng vấn tùm lum hết... Mà trong khi cái người như bà Teresa đâu phải cũng được ai tung hô ầm ĩ. Bà nói nhiều câu hay lắm, nhưng trong đó có một câu tôi rất thích: “Nếu ta không thể làm chuyện lớn thì cũng nên làm một việc nhỏ bằng một trái tim lớn.” Còn người Việt ta lại nói khác: “Nếu không làm được chuyện lớn thì hãy làm cho lớn chuyện.”

Mỗi ngày ta cứ thường xuyên nhớ về những điều này: ta có gì để đóng góp cho đời hay không là điều quan trọng, còn chuyện đời có ghi nhận hay không, hoặc ghi nhận kiểu gì, thì mặc xác cuộc đời. Bồ Tát hành đạo, hành thiện giữa đời không có trông đợi sự phản hồi, phản báo từ nhân gian thiên

Bồ Tát cứ cúi đầu, cứ nhắm mắt mà đi thẳng cái con đường mà mình đã chọn. Đến một ngày mà đại công cáo thành thì tự nhiên mười muôn triệu vũ trụ nó quỳ rạp dưới chân, năn nỉ Ngài giáng trần đi, thành Phật cho cái đám này nhờ.

Xuống trần rồi, đản sanh rồi, lại một đám quỳ xuống: “Con lạy Ngài, Ngài là bậc tối tôn.” Thời gian sau, Ngài thành đạo, lại một đám quỳ xuống: “Con lạy Ngài, Ngài hãy thuyết pháp đi.” Rồi một thời gian sau, duyên lành viên mãn, Ngài quyết định viên tịch, thì cả một rừng người đông hơn quân Nguyên quỳ xuống tiễn biệt bậc Chí Tôn, Đấng Cha Lành của ba cõi ra đi.

Có nghĩa là từ lúc chưa xuống là chúng nó đã quỳ rạp rồi, tới lúc thành Phật rồi Niết-bàn, nó khóc, nó thương là vì sao? Vì Ngài sống đẹp quá mà. Ta sống cho bọn bay,

nhưng có hề có lòng nào trông đợi bọn người hời báo, đáp đền gì đâu. Đó chính là sự vĩ đại của chư Phật.

Còn mình có làm được một chút là ngó nghiêng xung quanh xem có ai thấy không, và coi như thiên hạ phản hồi kiểu gì. Post lên một cái hình, một bài viết ngu như vẹt mà cũng ráng trông đợi coi có ai like không, có bao nhiêu view. Mà cái mình post lên Facebook đã trông đợi là tào lao rồi.

Trong khi đó, người ta bán mạng mà hành thiện, bán mạng mà lợi tha, bịt mắt mà làm, bịt tai mà làm, tay trái làm không để cho tay phải nó biết. Ấy mới chính là tấm lòng trời biển không biên tế, không bờ mé của bậc đại nhân.

Khi thực hiện bằng tấm lòng vô lượng thì công đức mới vô lượng, và cái chỗ mình đạt đến mới là vô thượng. Vô thượng là không ai cao hơn nữa. Mà đã còn bờ mé, còn giới tuyến, còn ranh giới, còn điều kiện, còn tiêu chí này nọ thì chưa có khá.

Mình học bài kinh lợi mình, lợi người, nó lớn chuyện, nó sâu dừ lắm chứ không phải là thường. Chứ mà mình chỉ liếc mắt qua thì có gì đâu mà cao.

Ngài kể xong thì bên dưới Đức Phật mới giải thích cho mình nghe là sao:

Một, có người tự tu rất tốt nhưng không giúp ai làm theo mình.

Hai, có người bản thân không tu tập tốt như những gì mình khuyến giáo người khác.

Ba, không ra gì và cũng không khuyến giáo ai.

Bốn, bản thân ngon lành và dốc sức giúp người cũng được như mình.

Khi học mấy kinh này, tự mình xét coi mình thuộc loại nào. Xếp hạng và phân loại thì như sau:

Một, tệ nhất là: không tự lợi, lợi tha.

Hai, tệ nhì là: chỉ biết lợi tha mà quên tự lợi.

Ba, tệ thứ ba: chỉ biết tự lợi mà quên lợi tha.

Bốn, cuối cùng: không có gì để bàn.

Qua đó ta thấy rằng tự lợi là quan trọng nhất. Mình không thể bỏ quên bản thân dù với biện minh thế nào. Lý do đơn giản là nếu ai cũng vậy, thế giới sẽ ra sao? Và khi ta chưa ra gì thì cái khả năng giúp người cũng hạn chế.

Về vật chất thì vì người quên mình là tuyệt vời. Nhưng về tinh thần thì ngược lại, ta phải chăm sóc mình trước.

Cho nên đã học đạo phải học cho tới, học cho đủ, học cho rõ, học cho sâu, chứ còn cái thứ một chiều là nó khổ vô cùng. Mình nghe người ta nói: vì người mà quên thân mới là người tốt. Thì như vậy rõ ràng bây giờ tôi lo cho người khác, tôi khỏi lo cho tôi. Nhưng mà xin thưa, người quên thân là người ta đang nói về khía cạnh vật chất, chứ còn về mặt tinh thần thì không có được. Về tinh thần thì anh phải ok trước rồi anh mới giúp người ta.

Đó là từ vị thế của một phía. Trong vị thế của người học đạo thì ta chỉ quan tâm đến điều mình nghe và thấy, cái gì ngoài ra không quan trọng.

Tức về phía người giảng phải thuộc lòng tất cả những gì tôi nói này giờ. Anh thấy ok thì anh mới giúp người khác. Nhưng mà ngược lại, từ vị thế của người nghe mà anh chấp vào cái đó là chết. Bởi vì từ vị trí người nghe, ta biết được bao nhiêu về người khác để có thể đánh giá và lựa chọn thầy bạn? Việc ta có thể làm chỉ có thể đánh giá và nhận xét những gì mình nghe và thấy trực tiếp. Câu này phải hiểu từ hai vị thế.

Nguyên bài kinh này nói về vị giảng sư, người đi dạy đạo, từ ở đây nó ra. Nhưng mà về phía người học đạo, nếu mà quan tâm cái người đó họ đã hoàn tất chưa thì hơi khó. Bởi vì các vị biết được bao nhiêu về người khác?

Tôi phải nói rằng trong năm mươi năm cuộc đời, tôi đã đi bác sĩ chắc không dưới trăm lần. Mà tôi chưa bao giờ tôi điều tra lý lịch, cái nhân thân của ông bác sĩ hết á.

Ông là người xứ nào, bao nhiêu tuổi, học trường nào, tốt nghiệp ra trường năm mấy, mở phòng mạch năm nào, đất hay ế, có vợ hay chưa, rồi con cái gia đạo... Tôi chớ hề.

Cho nên về phía mình thì mình tự xét trước khi đi ra mình nói với họ mình là người như thế nào. Nhưng nếu là vị thế của người đi học đạo, đi nghe giảng thì mình không cần quan tâm về người đó.

Tôi nói như vậy có lẽ nhiều người trong room cũng khó chịu, không chấp nhận hoặc cười thầm: “Chắc ông nói vậy thôi, ông đề nghị mình làm lơ lý lịch ông...” Không có phải. Các vị quờn thì các vị cứ làm. Nhưng mà chuyện quan trọng nhất là tôi không nói phần tôi. Phần tôi để qua một bên đi. Nhưng mà từ đây cho đến về sau, có nghe cái gì về đạo thì cứ nghe coi họ nói cái gì. Chứ mà còn các vị đi điều tra thì các vị không có thời gian đâu. Vì bản thân mình nó đã quá quải rồi.

Bây giờ qua bài kinh khác. Cái hay ở chỗ là một loạt kinh giống nhau.

Tiếp theo là Kinh Potaliya.

Nội dung kinh cũng đã giảng xong hôm qua. Các vị nghe nhiều kinh thì đi đâu cũng thấy kinh điển quen thuộc với mình. Từ đó mình có niềm tin là mình cũng nghiên cứu kha khá, mình cũng không đến nỗi mù tịt, không đến nỗi kinh biết mình mà mình không biết kinh.

Nhờ mình biết như vậy thì mình có hành trang để đi mò vào khu rừng kinh điển. Mình thấy nó thoải mái hơn hồi xưa rất là nhiều. Chẳng hạn như bây giờ quý vị nghe giảng hết, quý vị lướt qua thấy cái nào giống nhau thì bỏ qua. Tôi hi vọng nếu bỏ đi những kinh trùng thì coi như tiến độ sẽ nhanh dữ lắm.

Kinh 100 nói về: có những người trên đời này khen cái không đáng khen, chê cái không đáng chê. Trước khi chốt bài kinh, tôi cũng phải nhắc lại cái nội dung.

Khen chê ở đây không đơn giản là cái lời trên môi trên miệng, mà khen ở đây có nghĩa là chấp nhận và đi theo ai đó gọi là khen. Còn chê là phủ nhận, bài xích. Chứ

mà khen chê một, hai câu: “Thăng cha đó dở ẹc” hay “Thăng cha đó hay thiệt” là chưa đủ đô. Mà khen chê ở đây là mình chấp nhận và đi theo, hoặc là phủ nhận rồi bài xích.

Điều đó mới đáng sợ.

Tôi nói thăng luôn, thí dụ như thiền Việt Nam có năm phe tám phái. Có người thì thần tượng Sư Ông Làng Mai, Hòa thượng Nhất Hạnh; có người thần tượng ông Thường Chiếu Trúc Lâm, Hòa thượng Thanh Từ. Ông nào cũng có cái kiệt xuất, đặc điểm, ưu điểm riêng hết, nhưng mà tùy mỗi người.

Hễ mình thích Làng Mai thì mình có kiểu tu, học, nhận thức, hành trì, sống đời, hành đạo theo kiểu Làng Mai. Mình thích ông Trúc Lâm, ông Thường Chiếu thì tự nhiên mình cũng sẽ thích cách của Sư Ông Thường Chiếu. Mình thích Ngài Hộ Pháp Núi Dinh thì mình sẽ có kiểu học đạo, hành đạo, giữ giới, bố thí theo kiểu Núi Dinh. Mà mình thích kiểu Phước Sơn, của Kỳ Viên, Giác Quang thì mình cũng sẽ có kiểu hành trì theo.

Khen ở đây có nghĩa là như vậy đó, mình chấp nhận và mình đi theo. Còn chê ở đây là mình bài xích, mình phủ nhận. Cái đó quan trọng lắm nha.

Anh thích thì anh sẽ chấp nhận nó, đi theo nó, và nó sẽ từng bước len lõi vào cái tiềm thức, từng bước len lõi vào hành động, lời nói của anh. Và sau cùng là nó từng bước kiến tạo nên con người và cuộc đời của anh. Đó là những gì anh thích và ghét.

Từng điều ta thích hay ghét, từng ngày sẽ len lõi vào tiềm thức, ngôn ngữ, hành động, rồi kiến tạo nên nhận thức, nhân cách, lối sống và số phận của ta đời này rồi kiếp khác.

Có những trường hợp khen chê không quan trọng. Ví dụ như quý vị có khen tôi, có chửi cha tôi, không quan trọng. Nhưng quan trọng ở chỗ là tôi, tôi thích cái gì, tôi ghét cái gì, tôi thường khen cái gì, tôi thường chê cái gì.

Không nên nhắm mắt u mê, bắt chước người ta nhắc lại như vệt câu nói này: “Sá gì ba thứ thị phi.” Nhưng vấn đề nằm ở chỗ xuất phát thị phi. Lời khen, tiếng chê của người khác không quan trọng, nhưng thái độ của ta trước những lời khen chê ai đó mới quan trọng. Bởi vì có thích, có ghét, mình mới có khen, có chê. Mà trong khi đó cái thích và ghét, nó từng phút, từng giây len lỏi vào trong tiềm thức của ta, để nó đưa ra những phát biểu, để nó đưa ra những kiểu hành xử, và từ đó nó hình thành nhân cách, hình thành nhận thức, hình thành nên số phận của ta, trước hết là đời này, sau là kiếp khác.

Đừng nên bắt chước người ta nói: “Sá gì thị phi.” Điều đó đúng, khen chê người khác không quan trọng, nhưng mà mình nè, trước khi khen chê ai, mình nên coi lại mình như thế nào.

Phẩm Mây Mưa

(I) Kinh (101) Mây Mưa (1)

Kinh Mây Mưa nói về các hạng người ở đời:

1. Nói mà không làm.
2. Làm mà không nói.
3. Không nói cũng không làm.
4. Có làm và có nói.

Người ta nói rằng người Nhật, người Mỹ, người Tàu đều có chỗ đáng nể. Đó là: người Nhật lằm lằm làm mà không chịu nói, lù đù vác cái lu chạy không hay. Người Mỹ nói là làm. Còn người Tàu là chỉ nói không thôi, không có làm. Ổn nhất là người Việt nói một đằng mà làm một nẻo.

Ngài nói:

1. Trời gầm mà không mưa.
2. Có lúc trời mưa mà không gầm.

3. Có lúc trời gầm cũng trời mưa.

4. Có lúc không có cả hai, là trời quang mây tạnh.

Xem thêm trong Nhân Chế Định, bộ A-tỳ-đàm thứ tư, đã có bản tiếng Việt, hoặc đọc thêm phần 3 Kinh Mi Tiên.

Phải nói rất may mắn cho các vị khi làm việc với tôi, vì tôi đã cung cấp đầy đủ địa chỉ tài liệu cho quý vị đi tìm. Kỵ nhất trong thời mạt pháp là cha nào cũng nói: “Kinh nói rằng, Phật nói rằng...” Tôi oái nhất cái sự tùy tiện của người viết và người nói, nó sẽ dẫn đến chuyện đại loạn pháp môn.

Có nhiều câu nói lạ lẫm, thí dụ như là: “Hạnh hiếu là hạnh Phật.” Câu đó ở đâu nó ra chứ? Bởi vì câu hiếu thảo nó chỉ là một phần tử trong đức lành của Phật thôi. Nhưng mà đời này mình giảng những kinh cao siêu quá người ta nghe không nổi. Mà người nắm tài chính, kinh tế trong một gia đình chính là những người lớn tuổi. Nói theo xã hội Việt Nam, cho nên chuyện đầu tiên là nói sao cho các cụ, các mẹ, các ôn vui, đó là mình cứ nói, thôi phồng chữ hiếu lên.

Thuyết pháp những đề tài như vậy tôi gọi là đề tài an toàn, đồng thời cũng được lòng quần chúng. Trong khi đó những đề tài Phật pháp cao sâu thì bị tránh né hoặc bị diễn dịch sai lệch, thì đó là cái họa. Nhất là những câu tùy tiện như là: “Hạnh hiếu”, “Phụng sự chúng sanh là hạnh của chư Phật.” Hỏi phụng sự là gì thì trả lời là đi làm từ thiện, mở mấy cái lớp Việt ngữ, thí dụ như vậy, làm đủ trò hết như đấu giá, nhạc hội, mình gọi đây là phụng sự chúng sanh. Cái đó tôi thấy nó hơi quá.

Cái đại kỵ ở đây, tôi không đặt vấn đề bài xích cá nhân, mà tôi chỉ xin lưu ý cố tránh những câu nói nghe rất xuôi tai nhưng rất nguy hiểm, là bởi vì nó không có cơ sở. Do người đời sau sáng tác rồi dán cái mác Phật nói lên đó, cái đây là đại họa. Đời này có người còn biết, nhưng mà lỡ vài ba trăm năm sau, người ta đâu còn biết cái đó ở đâu nữa đâu, người ta chỉ tưởng là Phật nói không à.

(II) Kinh (102) Mây Mưa (2)

Kinh Mây Mưa 2 cũng kể ra những hạng người như vậy, nhưng Phật giải thích cách khác.

Cách thứ nhất là:

1. Nói mà không làm.
2. Làm mà không nói.
3. Không nói cũng không làm.
4. Có làm và có nói.

Cách thứ hai là:

1. Trời gầm mà không mưa: ám chỉ hạng người tinh thông nhưng thiếu hành trì, không chứng đắc gì.
2. Có lúc trời mưa mà không gầm: có chứng đắc nhưng không giỏi giáo lý.
3. Có lúc trời gầm cũng trời mưa: vừa giỏi giáo lý, lại cũng có chứng đắc.
4. Có lúc không có cả hai, là trời quang mây tạnh: không biết cái gì và cũng không đắc cái gì hết.

Giáo lý ở đây nghĩa là Phật pháp buổi đầu chia làm ba tạng, nhưng có lúc chỉ kể có năm Nikaya, có lúc kể thành chín phần, trong đó gồm có: kinh suông, kinh trường hàng, kinh mà có kệ; cái nào là Phật nói một mình như là Udana, cái nào là Phật nói cho người khác nghe; cái nào là của Ngài Anan, cái nào là của bà Kutukara; cái nào là kể chuyện xưa, cái nào kể chuyện lạ. Thì chia ra làm chín phần. Cho nên ở đây tôi dịch gọn lại một chữ thôi, đó là “giáo lý”.

(III) Kinh (103) Cái Ghè (Cái Lu)

Cũng có bốn trường hợp. Đây kín ở đây ám chỉ cho sự chứng đắc, còn rộng ở đây ám chỉ cho sự thiếu nội hàm.

1. Rộng và kín: có vị thánh vẻ ngoài tầm thường, không khả kính, nhưng dĩ nhiên là thánh thì phải có nội hàm là trí tuệ giác ngộ Bốn đế.

2. Rỗng và mở: có những phạm phu có vẻ ngoài khả kính nhưng bên trong thiếu nội hàm, không có sở chứng.

3. Đầy và kín: có người bề ngoài không khả kính và bên trong cũng không có nội hàm, không có sở chứng.

4. Đầy

Và mở: có người bên ngoài nhìn khả kính, bên trong cũng có nội hàm, có sở chứng, tức có trí tuệ giác ngộ.

Nói chung là:

1. Có ngoài thiếu trong.

2. Có trong thiếu ngoài.

3. Trong ngoài đều thiếu.

4. Trong ngoài đều đủ.

Mấy bài kinh này đọc phớt qua trên mặt chữ thì không có gì hết. Ngài kể cho mình biết vậy thôi, nhưng mà rất là sâu. Đây là những lời nhắc nhở nhẹ nhàng nhưng có nội dung đáng để lưu tâm là: ta thuộc loại nào đây?

Dầu cho mình không chứng thánh, nhưng ít ra cái nội hàm của mình là cái gì. Sở chứng không phải là thánh, nhưng ít ra sở chứng phạm phu cũng phải có chứ. Nói đến sở chứng có nhiều lắm: đắc đạo, đắc quả, đắc thiền, đắc định cũng là sở chứng. Niềm tin của mình có cơ sở, dù trời sập xuống mình vẫn tin, đó cũng là cái sở chứng. Mình có thể chết nhưng mình không thể phạm giới, cũng là sở chứng.

Tôi ví dụ: có những người giáo lý của họ không giỏi nhưng cái giới hạnh của họ mình tin được. Hạng này có chết, có thử thách vẫn giữ giới, đây cũng là một cái sở chứng.

Có người hạnh bố thí của họ rất mạnh, dù phải cạp đất mà ăn thì trước khi cạp đất họ cũng phải bẻ làm đôi, họ cho người khác nữa. Có người pháp bố thí là một sở chứng. Có người giữ giới là sở chứng. Có người cả đời đam mê giáo lý cũng là một sở

chứng. Có người thích ngồi thiền thì cái đó cũng là một sở chứng. Có người có tâm, có quý, đó là cái sở chứng. Có người có từ tâm, dù trời đất có ra sao mà lòng thương người không bao giờ bị sụt giảm, đó cũng là một sở chứng.

Từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, thiền định, giới hạnh, bố thí, tinh tấn, phục vụ, tất cả đều là sở chứng. Còn cái chuyện mình có đắc thiền, đắc đạo thì cái chuyện này quá tuyệt vời rồi. Nhưng mà nếu như chưa đắc đạo, đắc thiền thì tối thiểu lận lưng vài ba thứ mà tôi gọi là sở chứng, là cái chỗ thành tựu của mình đó quý vị.

Chứ mà nói: “Thôi, tôi vô phước vô phần, đời này làm gì có sở chứng”, nói như vậy là sai. Sở chứng bậc cao như đạo quả, thiền định thì có thể mình khó. Nhưng những sở chứng bên dưới mình có thể có chứ.

Nhưng mà ngó lại hạnh bố thí của mình có phải là bố thí bất nghịch ý hay không, mình có phải tùy cầu mà bố thí, có nghĩa là ai cần thì cho, sức tới đâu cho tới đó, cũng là một sở chứng.

Giữ giới, dù có bị thử thách, cám dỗ đến mấy vẫn không hoại giới, đó cũng là một sở chứng. Tinh tấn, phục vụ, có lòng giúp người, ai nói gì thì nói vẫn tiếp tục đổ mồ hôi cho đời, đó là sở chứng.

Từ bi, dù đời có ra sao vẫn tiếp tục thương nó như là yêu mỗi tình đầu, như là mẹ thương con, đó cũng là một sở chứng.

Thiền định, dù nắng gió mưa sương, đói lạnh cỡ nào vẫn luôn luôn là một hành giả miên mật tinh tấn, thì đó cũng là một thứ sở chứng. Chứ đâu cần quý vị phải ngồi xệt hào quang như hàn gió đá mới gọi là sở chứng.

Chúc quý vị một ngày vui.